

NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG DU LỊCH, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO TỒN VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ

NGUYỄN THỊ LÝ,
NGUYỄN THU NHUNG, PHẠM THANH HOAN

Tóm tắt: Vườn quốc gia (VQG) Cát Bà là một trong những VQG được thành lập khá sớm ở Việt Nam (năm 1986), được đánh giá cao bởi sự hoang sơ của các hệ sinh thái, sự hùng vĩ của cảnh quan thiên nhiên, sự phong phú và đặc sắc của tài nguyên sinh học. Bên cạnh chức năng bảo tồn, phục hồi tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, VQG Cát Bà còn có chức năng kết hợp phát triển du lịch. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động du lịch ở VQG Cát Bà chưa cao, sự liên kết giữa phát triển du lịch và bảo tồn chưa được thể hiện rõ nét. Bằng các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại của khoa học địa lý, bài viết này đã làm rõ hơn thực trạng phát triển du lịch ở VQG Cát Bà; phân tích những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với VQG Cát Bà. Từ đó đề xuất những ý tưởng về giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo tồn ở VQG Cát Bà.

Từ khóa: Cát Bà, vườn quốc gia, du lịch, bảo tồn

THE CURRENT STATUS, PROPOSED SOLUTIONS FOR DEVELOPING LOCAL TOURISM AND CONSERVE CAT BA NATIONAL PARK

Abstract: Cat Ba National Park is located on Cat Ba archipelago, one of the earliest established national parks in Vietnam (in 1986). This national park is highly appreciated for the wildness of its ecosystems, the grandeur of its natural landscape, and the richness and uniqueness of its biological resources. Besides the function of preserving and restoring natural resources, and protecting and developing natural ecosystems, Cat Ba National Park also has the function of developing tourism. However, the efficiency of tourism activities in Cat Ba National Park is not high, and the connection between tourism development and conservation has not been clearly demonstrated. Using traditional and modern research methods of geographical science, this article has clarified the current situation of tourism development in Cat Ba National Park; analyzing the advantages, difficulties, opportunities, and challenges for Cat Ba National Park. From there, propose ideas for solutions to develop tourism associated with conservation in Cat Ba National Park.

Keywords: Cat Ba, national park, tourism, conservation

1. Đặt vấn đề

Vườn quốc gia Cát Bà nằm trên quần đảo Cát Bà (thuộc huyện Cát Hải, TP Hải Phòng), là một trong những VQG có diện tích lớn nhất của Việt

Nam (26.240 ha), bao gồm khu dự trữ sinh quyển thế giới và khu bảo tồn biển Cát Bà.

VQG Cát Bà có giá trị quý hiếm, độc đáo bởi hệ thống đảo đá vôi gò ghề, bị nước biển ăn mòn tạo thành nhiều hình thù khác nhau, nhiều hang

động huyền bí (động Trung Trang, động Thiên Long), quanh năm chịu ảnh hưởng của gió biển đã tạo nên quần xã động, thực vật độc đáo thích nghi với điều kiện môi trường khắc nghiệt. VQG Cát Bà có giá trị tiêu biểu, đặc sắc bởi đây là không gian cư trú của nhiều loài sinh vật có giá trị bảo tồn cao theo quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế như: linh trưởng đặc hữu Voọc Cát Bà (*Trachypithecus poliocephalus*), Trăn đất (*Python molurus*)... [1]. VQG Cát Bà còn là nơi lưu trữ các loài sinh vật cổ đã tồn tại qua hàng chục triệu năm mà không có sự thay đổi trong cấu trúc cơ thể của chúng - minh chứng sống cho sự phát triển sinh giới như cá lưỡng tiêm (*Amphioxus bencheri*), loài giá biển (*Lingula anatina*)... [2].

VQG Cát Bà có các cảnh quan đẹp giữa biển như áng Vẹm, bãi Cát Dứa, hang Tùng Gấu, rạn san hô còn khá tốt nằm phía Đông Nam Cát Bà và trong các vụng kín của đảo Long Châu. Các giá trị đó đã tạo nên sức hút với khách du lịch trong và ngoài nước, các nhà khoa học và nhà quản lý.

Tuy nhiên, tiềm năng du lịch của VQG Cát Bà chưa được khai thác hiệu quả, thiếu giải pháp, chiến lược đồng bộ để phát triển du lịch, bỏ qua nhiều cơ hội thu lợi từ khách du lịch. Trong khi đó, các nghiên cứu về phát triển du lịch nói riêng và phát triển du lịch gắn với bảo tồn ở VQG Cát Bà còn khá hạn chế, chủ yếu là lồng ghép trong các đề tài, dự án chung của huyện Cát Hải, của cả hệ thống đảo Việt Nam. Có một số nghiên cứu cho phát triển du lịch tập trung cho một điểm cụ thể như: phát triển du lịch cộng đồng tại xã Việt Hải theo mô hình kinh tế xanh [3], phát triển du lịch sinh thái tại VQG Cát Bà theo một số tuyến du lịch [4].

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo khai thác số liệu hiện trạng khách du lịch được theo dõi, tổng kết bởi Ban quản lý VQG Cát Bà (từ năm 2017 - 2021), kết hợp số liệu được thu thập trong quá trình khảo sát thực địa. Ngoài ra, các bài báo đăng trên các tạp chí, các báo cáo, nghiên cứu liên quan đến VQG Cát Bà cũng được khai thác, sử dụng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp*: thu thập các kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án, các công trình nghiên cứu liên quan đến du lịch, phát triển du lịch gắn với bảo tồn VQG Cát Bà.

- *Phương pháp khảo sát thực địa (thực hiện từ ngày 25-27/03/2023)*: tìm hiểu, thu thập thêm một số dữ liệu về phát triển du lịch và bảo tồn tại VQG Cát Bà; tổ chức khảo sát 05 điểm (động Trung Trang, hang Quân y, rừng Kim Giao, đình Ngự Lâm, thôn Việt Hải) và 03 tuyến du lịch (hang động, tuyến Kim Giao - Ngự Lâm, Cái Bèo - vịnh Lan Hạ). Các nội dung khảo sát nhằm tìm hiểu tự nhiên, tài nguyên du lịch, hoạt động du lịch, từ đó đối chứng, so sánh và kiểm nghiệm độ chính xác của các tư liệu đã có.

Tiến hành phỏng vấn khách du lịch thông qua 02 hình thức: trực tiếp ngoài hiện trường và qua mạng internet. Bằng phương pháp chọn mẫu của Slovin (Estela, 1995), số lượng mẫu phiếu đạt được là 103 phiếu (lớn hơn số phiếu tối thiểu cần thu thập).

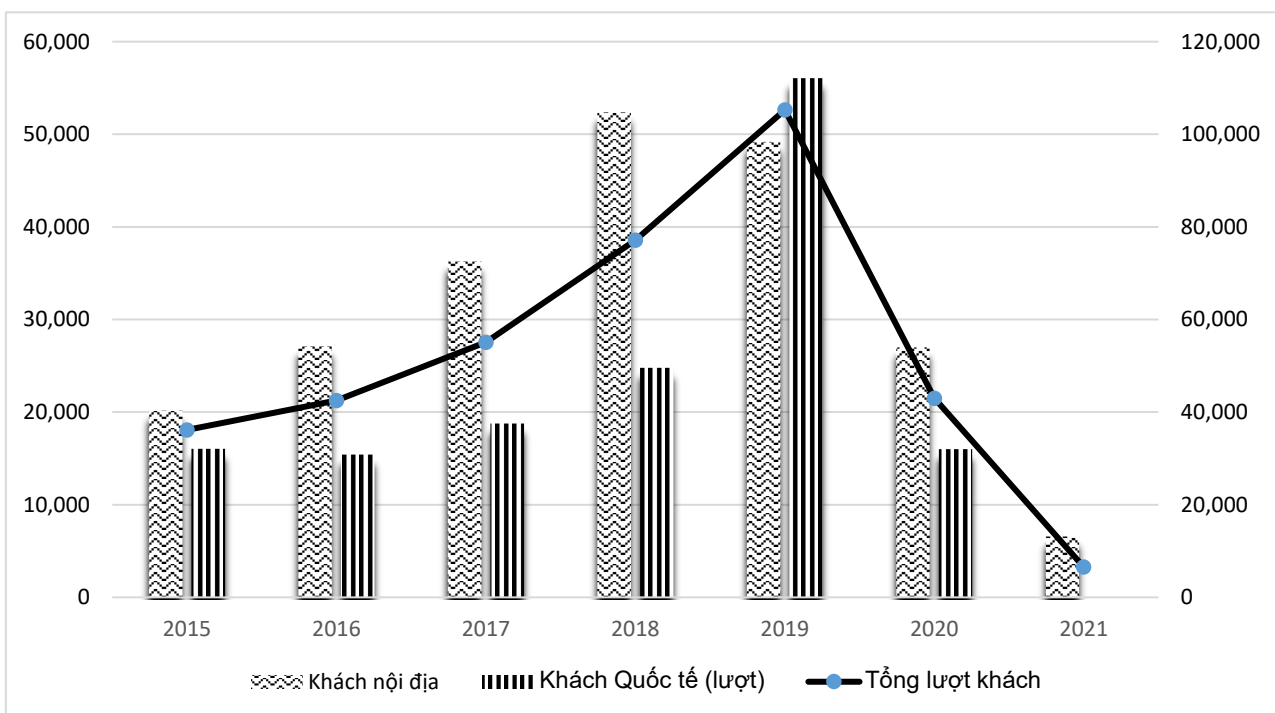
- *Phương pháp phân tích SWOT*: được sử dụng để làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho phát triển du lịch và bảo tồn VQG Cát Bà.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hiện trạng hoạt động du lịch tại VQG Cát Bà

Lượng du khách đến du lịch tại VQG Cát Bà tăng khá nhanh, năm 2019 mặc dù có sự giảm nhẹ so với năm 2018 nhưng tổng lượng du khách đạt trên 700 nghìn lượt (chiếm 27% so với lượng khách đến du lịch ở huyện Cát Hải) tăng gấp 1,3 lần so với năm 2017. Khách nội địa đến du lịch tại VQG Cát Bà tập trung chủ yếu vào những ngày cuối tuần, đặc biệt các dịp nghỉ lễ, kỳ nghỉ

hè. Khách quốc tế thường đi theo tour (khoảng 15 - 20 người) do các hãng lữ hành hoặc các cơ quan tổ chức khác, tập trung vào các tháng đầu và cuối năm. Kết quả trên phản ánh xu thế, thói quen đi du lịch của người Việt Nam là nghỉ dưỡng, tắm biển vào mùa hè. Du khách chủ yếu lựa chọn tuyến tham quan biển đảo khi đến với VQG Cát Bà. Lượng khách lựa chọn du lịch vịnh Lan Hạ gấp 5,5 lần so với lượng khách chọn tuyến tham quan trên rừng.



Hình 1. Biểu đồ diễn biến lượng khách tham quan tuyến rừng tại VQG Cát Bà [5]

Mặc dù các tuyến du lịch trên rừng còn khá đơn điệu, chủ yếu vẫn là các tuyến đường mòn, mới xây dựng được các biển chỉ dẫn và chưa được ứng dụng công nghệ 4.0 (sử dụng mã QR) trong du lịch nhưng trong thời gian qua, lượng du khách đến du lịch tại vườn theo tuyến rừng tăng nhanh, năm 2019 lượng khách đạt 105.257 lượt (gấp 2,9 lần so với năm 2015), trong đó lượng du khách quốc tế đạt 56.072 lượt (gấp 3,5 lần so với năm 2015) [5]. Như vậy có thể thấy

sở thích du lịch của khách quốc tế là thích khám phá, leo núi.

Kết quả điều tra cho thấy, du khách được trải nghiệm 03 nhóm sản phẩm du lịch chính được lồng ghép trong 02 nhóm tuyến (nhóm tuyến du lịch trên rừng và nhóm tuyến du lịch biển - đảo) ở VQG Cát Bà:

- Nhóm du lịch tham quan: theo tuyến rừng ở trung tâm VQG; tham quan cảnh quan biển đảo ở vịnh Lan Hạ, quần đảo Long Châu, các vịnh

Việt Hải, Tùng Gấu; tham quan hang động (động Trung Trang, động Quân Y).

- Nhóm du lịch sinh thái: trải nghiệm hệ sinh thái rừng ngập nước trên địa hình núi đá vôi (ở Ao Éch); hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi (rừng Kim Giao, đỉnh Ngự Lâm); hệ sinh thái rừng ngập mặn Phù Long.

- Nhóm du lịch cộng đồng: tham quan, trải nghiệm cuộc sống cộng đồng, tìm hiểu phương thức canh tác nông nghiệp trồng lúa, trồng rau tại xã Việt Hải.

3.2. Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức trong phát triển du lịch và bảo tồn VQG Cát Bà

Trên cơ sở tài liệu được thu thập, kết quả khảo sát thực địa, kết quả phỏng vấn khách du lịch, trao đổi thảo luận với cán bộ phụ trách VQG, ma trận SWOT phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho phát triển du lịch và bảo tồn ở VQG Cát Bà đã được thành lập (Bảng 1).

Bảng 1. Ma trận SWOT cho phát triển du lịch và bảo tồn tại VQG Cát Bà

MA TRẬN SWOT	Cơ hội (Opportunities):	Thách thức (Threats):
<p><i>Xây dựng chiến lược phát triển du lịch và bảo tồn VQG Cát Bà:</i></p> <p>- (S + O): dựa trên ưu thế.</p> <p>- (S + T): tránh các nguy cơ trong tương lai, hướng tới phát triển du lịch bền vững.</p> <p>- (W + O): hạn chế những điểm yếu, vượt qua những khó khăn đã, đang phải đối mặt.</p> <p>- (W + T): hạn chế tối đa các điểm yếu, tránh được các nguy cơ rủi ro trong tương lai.</p>	<p>- O₁: Các danh hiệu tạo nên tính bền vững, ổn định tương đối của các sản phẩm du lịch.</p> <p>- O₂: Nhận được sự quan tâm đầu tư của các cấp chính quyền (từ TW tới địa phương).</p> <p>- O₃: Hội nhập quốc tế tạo lập môi trường phát triển du lịch và bảo tồn.</p> <p>- O₄: Xu hướng phát triển du lịch gắn với tự nhiên, bảo tồn đang ngày tăng cao.</p>	<p>- T₁: Tiềm năng du lịch vừa là cơ hội nhưng cũng là áp lực cho công tác bảo tồn.</p> <p>- T₂: Áp lực cạnh tranh đối với những khu bảo tồn có tiềm năng, sản phẩm tương tự.</p> <p>- T₃: Sự biến động của kinh tế, chính trị, nhu cầu du lịch ở trong nước và nước ngoài.</p> <p>- T₄: Áp lực trước sự phát triển mạnh mẽ công nghệ 4.0.</p>
<p>Điểm mạnh (Strengths):</p> <p>- S₁: VQG Cát Bà có tiềm năng đa dạng, phong phú với nhiều loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm, có nhiều kỳ quan địa chất, kỳ quan sinh thái có giá trị quốc tế.</p> <p>- S₂: Danh hiệu khu Bảo tồn sinh quyển thế giới và khu bảo tồn biển Cát Bà đã tạo thương hiệu, được biết đến rộng rãi hơn.</p> <p>- S₃: Thương hiệu về điểm đến du lịch bởi các sự kiện, lễ hội du lịch Cát Bà.</p>	<p>- (S₁ + S₂) + O₁: Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu du lịch xanh qua các sản phẩm du lịch đặc thù, đa dạng.</p> <p>- (S₁ + S₂) + O₂: Xây dựng chiến lược thu hút vốn đầu tư cho phát triển thương hiệu du lịch xanh.</p> <p>- S₃ + (O₃ + O₄): Xây dựng chiến lược truyền thông, quảng bá sản phẩm để mở rộng thị trường, thu hút khách du lịch.</p>	<p>- (S₁ + S₂) + T₁: Xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy định đối với các khu vực phát triển du lịch; đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của bảo tồn và phát triển du lịch.</p> <p>- (S₁ + S₂) + T₃: Xây dựng chiến lược, kế hoạch cải thiện chất lượng du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch.</p>

<p>Điểm yếu (Weaknesses)</p> <ul style="list-style-type: none"> - W₁: Hiệu quả khai thác tiềm năng chưa tốt, sự liên kết giữa phát triển du lịch và bảo tồn chưa rõ rệt. - W₂: Chất lượng các sản phẩm du lịch chưa cao, nhiều tuyến chưa được khai thác. - W₃: Chính sách đầu tư cho phát triển du lịch và bảo tồn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. - W₄: Công tác quản lý, phát triển du lịch gắn với bảo tồn còn nhiều hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - (W₁ + W₄) + O₃: Xây dựng chiến lược liên kết, hợp tác với các tổ chức quốc tế có kinh nghiệm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, cải thiện, nâng cao kỹ năng quản lý bảo tồn và phát triển du lịch. - (W₂ + W₃) + O₂: Xây dựng chiến lược, kế hoạch kêu gọi, thu hút đầu tư. - (W₃ + W₄) + O₂: Xây dựng chiến lược, kế hoạch liên kết phát triển nguồn nhân lực về phát triển du lịch xanh với các đơn vị đào tạo chuyên ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - (W₁ + W₂) + T₁: Xây dựng mô hình liên kết phát triển du lịch và bảo tồn mang tính đặc thù của VQG Cát Bà. - (W₁ + W₂) + T₂: Xây dựng chiến lược liên kết phát triển du lịch và bảo tồn di sản thế giới vịnh Hạ Long. - W₃ + T₃: Xây dựng chiến lược, kế hoạch đổi mới quản lý về bảo tồn và phát triển du lịch. - W₃ + T₄: Xây dựng chiến lược, kế hoạch ứng dụng công nghệ (4.0) trong quản lý, bảo tồn và phát triển du lịch.
--	---	--

3.3. Đề xuất mô hình quản lý nhằm phát triển du lịch và bảo tồn tại VQG Cát Bà

Hướng dẫn của IUCN cho khu bảo tồn ven biển và biển - đảo (MPAs) cho rằng, các MPAs phải được đặt trong bối cảnh rộng hơn do bản chất kết nối cao với không gian biển, để hình thành một chế độ quản lý hệ sinh thái tích hợp. Sự kết nối này là sự tương tác giữa các cấu trúc, quy trình và truyền thống xác định cách thực hiện quyền lực, cách đưa ra quyết định với sự hợp lưu của các xu hướng thúc đẩy tư duy chiến lược và tích hợp hơn cả từ phía cộng đồng các khu bảo tồn ven biển và biển - đảo (MPAs) và quản lý tích hợp ven biển (ICM) nhằm gia tăng sức khỏe đại dương đại diện cho xương sống của nền kinh tế địa phương có biển và các nguồn sinh kế chính của các cộng đồng ven biển [6].

Trong vấn đề này, một số nguyên tắc kết nối ngang được đưa ra:

(1) Kết nối không gian từ đất liền với phía biển của khu vực ven biển và giữa MPAs với khu vực ven biển và biển ven bờ, trọng tâm là sự kết nối sinh thái với các đối tượng tác động

trong không gian tồn tại các khu bảo tồn ven biển - biển, đảo theo hướng bảo vệ hệ sinh thái và giảm thiểu các tác động kinh tế xã hội, đảm bảo sức khỏe môi trường và các hệ sinh thái...;

(2) Quản lý sự kết nối thông qua nguồn kiến thức và thông tin tốt nhất có sẵn trên lãnh thổ có quy mô rộng hơn trên lưu vực lớn có tác động đến các MPAs. Trong đó, chú ý đặc biệt đến các khía cạnh tác động từ các đối tượng kinh tế - xã hội và văn hóa;

(3) Tích hợp ICM và MPAs theo liên kết lãnh thổ (liên kết ngang) theo các quy trình và chương trình quản lý bền vững sẽ tạo ra lợi ích nhận thức và nâng cao các kết quả hữu hình góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, cho phép giải quyết các mối quan tâm của địa phương trong bối cảnh áp lực khu vực và toàn cầu để đạt được các giải pháp quản lý bền vững.

Để có thể đảm bảo đồng thời mục tiêu bảo tồn và phát triển du lịch ở VQG Cát Bà cần có mô hình quản lý để đảm bảo tính liên kết phát triển tạo nên thương hiệu du lịch gắn với “*nhãn du lịch VQG Cát Bà*”.

Khi xây dựng mô hình cần chú ý VQG Cát Bà trong hệ thống “*tự nhiên mở*” bởi 03 phụ hệ thống (khu vực ven biển, đảo và biển) với các hệ sinh thái đặc thù và độc lập với nhau nhưng các yếu tố hình thành nên chúng luôn có mối liên quan ràng buộc và có những tác động tương hỗ với nhau; đồng thời cần vượt qua quan điểm VQG Cát Bà tồn tại trên quần đảo độc lập mà cần phải chú ý mối liên kết với đất liền và với khu vực biển, ven biển xung quanh.

Do vậy, mô hình phát triển đảm bảo đa mục tiêu của VQG Cát Bà cần phải thể hiện tính liên kết ngang (gắn kết chặt chẽ với các huyện ven biển của Hải Phòng, Quảng Ninh), tính liên kết dọc (liên hệ mật thiết với quần thể di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, VQG Bái Tử Long), tính liên kết thời gian (lịch sử phát triển của VQG Cát Bà trong bối cảnh lịch sử phát triển chung) bởi nếu phát triển một cách cô lập, khu vực này dễ bị tổn thương trước sự phát triển và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bên cạnh đó, VQG Cát Bà là nơi khởi thủy cho sự phát triển của loài người. Tại di chỉ Cái Bèo, các nhà khảo cổ đã khai quật được hơn 479 công cụ bằng đá cuội, đồ gốm thô cứng làm từ đất sét, cát hạt khô và xương răng động vật. Những hiện vật này có niên đại khác nhau từ 4.000 – 7.000 năm. Tại di chỉ Bãi Bền, đã tìm thấy trên 500 hiện vật, điển hình là đồ đá và đồ gốm niên đại 3.500 đến 3.700. Điều đó thể hiện tính liên kết thời gian giữa hệ thống tự nhiên và văn hóa trong lịch sử phát triển của VQG Cát Bà.

Kinh nghiệm quốc tế về phát triển du lịch ở các khu bảo tồn cho thấy, cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch và bảo tồn. Để phát triển du lịch đồng thời vẫn gìn giữ, phát

huy các giá trị bảo tồn VQG Cát Bà theo hướng bền vững, mô hình bảo tàng sinh thái theo nguyên lý “tam giác sáng tạo” (Liu và Lee, 2015) là một giải pháp cần được xem xét trong khung cảnh địa phương, khuyến khích sự tham gia, đáp ứng nhu cầu phát triển cộng đồng.

Cốt lõi của mô hình này chính là sự gắn kết giữa phát triển kinh tế (kinh tế du lịch) và bảo tồn. Sự khác biệt của mô hình này chính là lấy đối tượng tự nhiên và nhân văn (bao gồm cả cộng đồng địa phương) làm chủ thể. Các đối tượng khác (cơ quan quản lý, doanh nghiệp...) là yếu tố khách thể; đồng thời đảm bảo sự tôn trọng ranh giới; mô hình này hướng tới giá trị:

(1) Gìn giữ, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên với các chức năng dịch vụ hệ sinh thái để đảm bảo nguồn lực, sự cân bằng cho nguồn cung cấp đầu vào đối với quá trình tồn tại và phát triển của xã hội.

(2) Tăng cường khả năng phục hồi, phát sinh và phát triển nguồn tài nguyên đa dạng sinh học với hoạt động phát triển du lịch và các sinh kế của dân cư.

(3) Nâng cao khả năng thích ứng của các hệ sinh thái tự nhiên nhằm tăng cường khả năng chống chịu của các hệ xã hội không gian biển - đảo của Cát Hải.

(4) Kết nối thời gian lịch sử phát triển của hệ cảnh quan sinh thái và xã hội từ thời kỳ nguyên thủy đến nay, từ đó làm định hướng hài hòa cho các hoạt động bảo tồn, phát triển VQG Cát Bà.

4. Kết luận

VQG Cát Bà có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch - một xu thế tất yếu phù hợp với nhu cầu của xã hội, đặc biệt trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, phát triển du lịch ở VQG Cát

Bà cần phải đặt trong mối liên kết chặt chẽ với bảo tồn các giá trị.

VQG Cát Bà đã chú trọng khai thác cho du lịch từ khá sớm, tuy nhiên mới chỉ thực sự được biết đến rộng rãi trong thập kỷ gần đây, số lượng khách đến với VQG Cát Bà tăng nhanh chóng nhưng hiệu quả chưa cao, nhiều sản phẩm du lịch chưa được khai thác, một số hoạt động du

lịch có những tác động tới môi trường tự nhiên, gây áp lực cho công tác bảo tồn.

VQG Cát Bà cần xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch gắn với bảo tồn, tạo nên thương hiệu, nhãn du lịch VQG Cát Bà. Đồng thời, xây dựng mô hình phát triển du lịch và bảo tồn theo các giá trị liên kết ngang, liên kết dọc và liên kết thời gian của VQG Cát Bà./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Điền và cs. (2014), *Tài nguyên đa dạng sinh học vườn quốc gia Cát Bà*, NXB Nông nghiệp.
2. Trần Đức Thanh và cs. (2008), *Hồ sơ kỹ thuật địa chất quần đảo Cát Bà - Long Châu, dự án Điều tra cơ bản và đánh giá tài nguyên vị thế, kỹ thuật sinh thái, địa chất vùng biển và các đảo Việt Nam*, 27 trang, Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Hải Phòng.
3. Tran Van Phuong and etc. (2020), *Community Tourism Development in Viet Hai Commune (Cat Ba, Hai Phong City, Viet Nam) Under the Green Economy Model*, Environment and Natural Resources Research, Volume 10, pp. 43-53.
4. Lê Thị Ngân, Đồng Thanh Hải (2021), *Đánh giá tiềm năng đa dạng sinh học và đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Cát Bà*, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2(1), pp. 113 - 140.
5. Vườn quốc gia Cát Bà (2020), *Phương án quản lý rừng bền vững vườn quốc gia Cát Bà giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030*, Hải Phòng.
6. Graham J, Amos B, Plumtre T. (2003), *Governance principles for protected areas in the 21st century*, A discussion paper-phase 2. Ottawa: Institute on Governance
7. Zhen-Hui Liu and Yung-Jaan Lee (2015), *A Method for Development of Ecomuseums in Taiwan*, Sustainability, Volume 7, pp. 13249-13269.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Lý - Trường Trung học Phổ thông Bạch Đằng
Nguyễn Thu Nhung - Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam
Phạm Thanh Hoan - Trường THPT Trần Hưng Đạo
Địa chỉ: Xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
Email: quangvinhvanhien@gmail.com; Điện thoại: 0936127976

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 10/4/2023
Biên tập: 6/2023